

Bản án số 167/2020/HSPT  
Ngày 16 tháng 6 năm 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Kim Nhân

*Các Thẩm phán:* Ông Lê Tự và ông Nguyễn Cường

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng H1 An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Nam Anh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 130/2020/TLPT-HS ngày 19/02/2020 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HS-ST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo. Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 571/2020/QĐXXPT-HS ngày 22/4/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

1. **Đinh H1 T** sinh ngày 02/12/1986 tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú nhà số thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Đinh Xuân T (s) và bà Phạm Thị V (s); Có vợ là Trương Thị Ngọc D và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

2. **Lê Bảo Hoài L**, sinh ngày 28/5/1975 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lê Văn T (c) và bà Trần Thị Lệ H (s); Có vợ là Trần Thị Lệ T và có 02 con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt.

**- Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 (hai) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:** Hồ Văn T, Nguyễn Đình T1 là đối tượng chuyên kinh doanh hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng của nước ngoài nhập lậu vào Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh. Khi các lực lượng chức năng tăng cường công tác

kiểm tra, xử lý hành vi buôn lậu nên T và T1 chuyển hướng nhập các mặt hàng này từ nước ngoài vào Việt Nam qua Cảng Đà Nẵng sau đó trung chuyển vào thành phố Hồ Chí Minh và các địa phương khác để tiêu thụ. Vào khoảng tháng 5/2017, T1 gặp Nguyễn Quang D và nói chuyện làm quen, đặt vấn đề nhờ D tìm doanh nghiệp đứng ra làm thủ tục nhập khẩu hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng do T1 mua từ nước ngoài về Việt Nam để tiêu thụ, được D nhận lời. Sau đó D đưa T1 đến Công ty X để đặt vấn đề với Đinh H1 T2 (Giám đốc công ty) và Đinh H1 T (Trưởng phòng kinh doanh) đứng ra làm thủ tục nhập khẩu hàng, hàng điện tử điện lạnh đã qua sử dụng cho T1; biết là hàng cấm nhập khẩu nên T2 đưa ra mức giá rất cao để T1 không đồng ý. Sau khi D và T1 ra khỏi Công ty X, thì T chủ động gọi điện thoại cho T1 trao đổi về việc nhận làm thủ tục vận chuyển các Container hàng từ cảng về kho Công ty X, cho thuê kho để sang hàng và thuê công nhân bốc vác sang hàng từ Container cho các lô hàng điện tử và điện lạnh đã qua sử dụng cho T1 với giá là 3,5 triệu đồng cho một Container, chi phí bốc vác sang tải và thuê xe vận chuyển thì T1 sẽ trả riêng.

Sau khi được T nhận làm thủ tục nhận hàng vận chuyển và cho thuê địa điểm sang hàng, T1 tiếp tục yêu cầu D tìm doanh nghiệp khác đứng ra làm thủ tục nhập hàng từ nước ngoài về cho T1, mọi chi phí về kê khai Hải quan, thuê phương tiện vận chuyển T1 thanh toán, đồng thời với mỗi lô hàng nhập về T1 trả công cho D 40 triệu đồng. Đầu tháng 6/2017, D gặp Lê Bảo Hoài L là bạn cũ của D, D kể cho L nghe việc có người nhờ tìm doanh nghiệp để nhập khẩu hàng từ nước ngoài về Việt Nam tiêu thụ. L hỏi D là nhập hàng gì thì được D cho biết là hàng điện tử, điện lạnh cũ, nghe vậy L hỏi D: Nhập hàng đó lỡ bị bắt thì sao, thì D trả lời là tìm người nào có văn hóa thấp, ít quan hệ xã hội để đứng ra mở Công ty và làm giám đốc, còn địa chỉ Công ty thì khai ở nơi xa trung tâm, ít người biết đến, nếu nhập hàng về bị bắt thì không xác định được địa chỉ của Công ty và không biết người làm giám đốc, thì không biết đâu mà xử lý, đồng thời D đưa cho L 10 triệu để lo chi phí thành lập doanh nghiệp. L mượn chứng minh nhân dân của Trần Minh T3 và Nguyễn Cao C làm thủ tục thành lập Công ty TNHH May H (gọi tắt là Công ty H) và Công ty TNHH May G (gọi tắt là Công ty G). Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, L chụp ảnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của 02 công ty gửi cho D. D yêu cầu L mua một tập Giấy giới thiệu để chuẩn bị cho việc nhập hàng, mua 01 sim điện thoại rác số 0944362510 (không đăng ký chủ thuê bao) và đưa cho D để liên lạc việc nhập hàng của 02 doanh nghiệp trên. Sau khi được D thông báo đã thành lập được các doanh nghiệp về lĩnh vực may để làm pháp nhân nhập loại hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng, T1 liên hệ với Lê Viết V nhờ V kiểm tra và ghi chép số lượng, chủng loại hàng, sắp xếp, giao hàng cho người mua, mỗi Container hàng T1 trả công cho V 500 nghìn đồng. V biết được đây là hàng nhập lậu và đồng ý. Sau đó T1 đưa V đến gặp T giới thiệu V là người của T1 và khi hàng được vận chuyển về kho thì V là người thay mặt T1 nhận hàng. Khi hàng được nhập về Việt Nam, hãng tàu gửi vận đơn (Bill of Lading) và hóa đơn (Invoice) đến hộp thư điện tử của D. D in ra và gọi điện cho L đem con dấu và mẫu giấy giới thiệu đến đóng dấu sao y vào vận đơn. L giả chữ ký của T3 để ký vào vận đơn và giấy giới thiệu chưa ghi nội dung của Công ty H hoặc giả chữ ký của C để ký vào vận đơn và giấy giới thiệu chưa ghi nội dung của Công ty G, sau

đó D đưa hồ sơ cho L mang vào Chi cục hải quan cửa khẩu Cảng Kỳ Hà để nộp tờ khai.

Sau khi hồ sơ được thông quan, L mang về đưa lại cho D, D mang hồ sơ ra Đà Nẵng đưa cho T thực hiện việc nhận hàng theo thỏa thuận trước đó. Khi nhận thủ tục từ D, T phân công Nguyễn Nhật Đ là nhân viên giao nhận của Công ty X mang theo giấy giới thiệu và tờ khai Hải quan đã thông quan và danh sách Container đủ điều kiện qua khu vực giám sát, đến hãng tàu nhận lệnh dỡ hàng. Đồng thời T điện cho Phạm Nguyễn T H là nhân viên lái xe của Công ty X liên hệ với Đ đến Cảng Đà Nẵng nhận Container theo số hiệu trên lệnh dỡ hàng để chở về kho của Công ty X tại 25 Phạm Văn X, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. T gọi điện cho Lê Viết V báo số lượng Container hàng được nhập về để V đến nhận. Cùng với đó, T1 gọi điện cho V báo là hàng được nhập về và yêu cầu V giao cho người mua còn lại đưa vào thành phố Hồ Chí Minh cho T1, đồng thời nhắn tin số điện thoại người mua hàng và số điện thoại của lái xe để V liên hệ gọi xe và giao hàng. Khi đến nhận hàng, V kiểm tra niêm Seal Container, xác định còn nguyên thì cho nhóm công nhân bốc vác do T thuê, tiến hành cắt Seal, mở Container để chuyển hàng từ các Container sang các xe tải, ghi chép số lượng và chủng loại hàng để báo cho T1. Sau mỗi chuyến hàng nhập khẩu và làm thủ tục nhận hàng xong, T1 đưa D 40 triệu đồng, D đưa L 20 triệu đồng.

Thấy việc mở tờ khai thủ công tốn nhiều thời gian, D gặp Bùi Anh H1 là em con dì của D, đang làm nhân viên khai báo Hải quan cho Công ty X nhờ làm thủ tục mở tờ khai Hải quan điện tử. H1 lấy thông tin của Công ty H và Công ty G do D cung cấp để đăng ký chữ ký số, làm thủ tục mở tờ khai Hải quan điện tử. Sau đó mỗi lần Công ty H và Công ty G có hàng được nhập khẩu về, D chuyển qua Email cho H1 mở tờ khai Hải quan điện tử, khi có tờ khai được phân luồng vàng (chỉ kiểm tra hồ sơ, không kiểm tra thực tế hàng hóa) và cho thông quan thì H1 đưa cho T để làm thủ tục nhận hàng. Với cách thức nhận hàng như trên, từ tháng 6/2017 đến cuối tháng 10/2017 Công ty H 10 lần làm thủ tục mở tờ khai nhập khẩu cho 11 Container hàng hóa, Công ty G 10 lần làm thủ tục mở tờ khai nhập khẩu cho 15 Container hàng hóa, theo T và V khai tất cả các Container hàng do 02 Công ty trên nhập khẩu đều được đưa vào kho của Công ty X để sang nhưng thực tế bên trong là hàng điện lạnh và điện tử đã qua sử dụng.

Đầu tháng 11/2017 sợ bị phát hiện, D bàn với L và T là nghỉ nên nói với T1 là sẽ không tiếp tục nhập hàng cho T1 nữa, tuy nhiên sau đó T1 và Hồ Văn T ra Đà Nẵng mời D đi nhậu tại quán B Đà Nẵng. Tại đây, T1 nói là đã lỡ mua rồi, giờ không nhập về để giao cho khách hàng là T1 sẽ bị phá sản, đồng thời T1 nói với D là sẽ cho thêm D 20 triệu và trả thêm cho T thêm 1,5 triệu đồng, D nhận lời và trao đổi với T thì được T đồng ý.

Vào ngày 20/11/2017 D nhận được vận đơn số 0207000400596 của hãng tàu Evergreen Linebaos báo Công ty G có 02 Container số hiệu TCNU2894795 và EGSSU9067608 lô hàng là máy móc ngành may nhập khẩu từ Nhật Bản về Cảng Đà Nẵng. Khi nhận được thông báo, D gửi Email cho Bùi Anh H1 để khai báo Hải quan. H1 dùng máy vi tính của Công ty X mở tờ khai điện tử số 101718957021 khai hàng hóa là máy may công nghiệp, máy cắt, máy vắt sổ, dập nút công nghiệp hàng mới 100%, thuế nhập khẩu là 0%, thuế VAT là 10%. Tờ khai Hải quan được

phân luồng vàng (chỉ kiểm tra chi tiết hồ sơ mà không kiểm tra thực tế hàng hóa) và được làm thủ tục thông quan tại Cảng Tiên Sa, Đà Nẵng. D in hồ sơ gồm Vận đơn (Bill of Lading), hóa đơn (Invoice) và gọi L đến giả chữ ký của Nguyễn Cao C ký xác nhận sao y và đóng dấu Công ty G vào các tài liệu này để nộp cho Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Kỳ Hà. Đồng thời ký tên và đóng dấu vào giấy giới thiệu chưa ghi nội dung đưa cho D để D đưa cho Đinh H1 T làm thủ tục nhận hàng. Chiều ngày 22/11/2017 Đinh H1 T đưa giấy giới thiệu của Công ty G và bộ hồ sơ Hải quan để Nguyễn Nhật Đ đến hãng tàu E làm thủ tục thuê Container và làm lệnh dỡ hàng. Sau khi có Lệnh dỡ hàng, Đ gọi điện cho Phạm Nguyễn T H lái xe ô tô đầu kéo biển số 43C-112.60 đến Cảng Đà Nẵng chở Container số hiệu EGSSU9067608 và gọi cho Đoàn Công D là đối tác vận chuyển của Công ty X điều khiển xe ô tô BKS 43C-039.70 đến Cảng Đà Nẵng chở Container số hiệu TCNU2894795 về kho của Công ty X tại 25 Phạm Văn X. T gọi điện thoại thuê nhóm công nhân bốc vác do ông Võ Văn E làm nhóm trưởng cùng 07 người khác đến bốc vác sang hàng từ Container sang các xe tải.

T1 điện thoại báo cho V là hàng đã về, đồng thời nhắn tin cho V số điện thoại của Doãn H1 A là khách mua hàng và số điện thoại của Võ Văn V là lái xe tải BKS 92C-092.84; Tạ Văn Thiện lái xe 29C-938.79 để V liên hệ giao hàng. V thực hiện theo đúng yêu cầu của T1, khi V đang hướng dẫn các công nhân bốc vác chuyển hàng thì T1 và T đến xem, sau đó cả hai đi ra ngoài.

Vào lúc 20 giờ 10 phút ngày 22/11/2017 khi các công nhân bốc vác đang thực hiện việc sang hàng từ các Container qua xe tải thì bị Tổ công tác Phòng chống Ma túy và tội phạm Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng thành phố Đà Nẵng phát hiện số hàng hóa trong các Container không đúng với tờ khai, nên lập biên bản thu giữ lô hàng gồm: + 30 (ba mươi) tủ lạnh các loại; + 165 (một trăm sáu mươi lăm) máy giặt các loại; + 51 (năm mươi một) cục nóng máy điều hòa; + 54 (năm mươi tư) cục lạnh máy điều hòa; + 59 (năm mươi chín) nồi cơm điện; + 07 (bảy) quạt điện; + 14 (mười bốn) đàn ghita; + 04 (bốn) loa mini; + 02 (hai) âm ly + 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 29C-938.79; + 01 xe ô tô tải đầu kéo Romooc biển kiểm soát 92C-092.84; + 01 xe ô tô tải đầu kéo Romooc biển kiểm soát 43C-112.60; + 01 xe ô tô tải đầu kéo Romooc biển kiểm soát 43C-039.70.

Ngày 16/01/2018, qua làm việc, L đã giao nộp dấu, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty H và một USB có chữ ký số của Công ty TNHH May H; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty G và một USB có chữ ký số của Công ty TNHH May G. Ngoài ra Cơ quan điều tra có lập biên bản kiểm tra tại nơi mà L khai đã tiêu hủy con dấu của Công ty G có thu được một miếng nhựa màu đen và một miếng nhựa màu đỏ, bị cháy biến dạng. Theo L khai, khi lô hàng ngày 22/11/2017 bị bắt, D nói L hủy con dấu Công ty G nên L đã đốt hủy.

Quá trình điều tra L tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính 80 triệu đồng, T tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 1,6 triệu đồng. V có đơn yêu cầu nhờ người thân trong gia đình nộp tiền thu lợi bất chính trong quá trình thực hiện tội phạm với số tiền 01 triệu đồng. Ông Bùi Anh H1 tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính là 4,5 triệu đồng.

Ngoài ra, các đối tượng còn khai nhận: Vào ngày 10/8/2017 tờ khai của Công ty G bị phân luồng đỏ (phải kiểm tra thực tế hàng hóa) thì H1 và T báo cho D, D

gọi điện báo cho T1, thì T1 yêu cầu D phải đưa tiền cho cán bộ Hải quan để nhờ giúp đỡ không phải kiểm tra thực tế mà chỉ hợp thức hóa bằng biên bản kiểm hóa. Thực hiện yêu cầu của T1, D nói với T khi mở Container hàng thì giữ lại Seal hăng tàu để đưa cho D. D hướng dẫn L làm đơn xin kiểm hóa ngoài giờ và mang seal hăng tàu và đưa phong bì 10 triệu đồng cho L vào Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Kỳ Hà, để đưa cho ông P (Phó Chi cục trưởng) nhờ giúp đỡ và được ông P đồng ý. Ông P chỉ đạo cán bộ Hải quan tên Hiếu thực hiện việc làm biên bản kiểm hóa, L bồi dưỡng cho Hiếu 01 triệu đồng. Tiếp đến, ngày 04/10/2017 tờ khai của Công ty G bị phân luồng đỏ, D gọi điện báo cho T1, thì T1 yêu cầu D phải đưa nhiều tiền cho cán bộ Hải quan để nhờ giúp đỡ không phải kiểm tra thực tế mà chỉ hợp thức hóa bằng biên bản kiểm hóa. D nói với L gọi điện nhờ ông P và được ông P đồng ý, ông P bảo L gọi điện cho Hiếu để Hiếu thực hiện, tuy nhiên Hiếu không đồng ý, nên L báo lại cho D biết, D gọi điện nhờ ông P và được ông P bảo gọi điện cho Đức là nhân viên Hải quan nhờ thực hiện. D yêu cầu L bỏ phong bì bồi dưỡng cho ông P 20 triệu đồng và bảo L gọi điện nhờ Đức giúp và nói với Đức sẽ bồi dưỡng cho Đức 20 triệu đồng. L thực hiện theo lời của D và được Đức đồng ý, Đức hẹn L ra Đà Nẵng để giao tiền nhưng có việc bận nên L nhờ D đưa cho Đức 20 triệu đồng. Về số tiền để chi cho các cán bộ Hải quan, D khai là do T1 đưa trực tiếp bằng tiền mặt cho D và chuyển khoản vào tài khoản số 0651000631721 của Nguyễn Quang D mở tại ngân hàng TMCP V Việt Nam, chi nhánh Quảng Nam. D rút tiền từ tài khoản để giao cho L, L đem đến Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Kỳ Hà để đưa cho ông P. Số tiền 20 triệu đưa cho Đức là do D lấy tiền của D để đưa và sẽ trừ vào số tiền mà D phải đưa cho L để chi phí. Tuy nhiên, qua điều tra không đủ cơ sở kết luận, nên không đủ cơ sở xử lý đối với các đối tượng là cán bộ Hải quan Cửa khẩu Cảng Kỳ Hà.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HS-ST ngày 09/01/2020 (được sửa chữa, bổ sung tại Thông báo số 05/2020/TB-TA ngày 21/01/2020), Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

**I. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Quang D, Lê Viết V, Lê Bảo Hoài L và Đinh H1 T phạm tội “Buôn lậu”.**

**1.1. Căn cứ:** Điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 188; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). **Xử phạt:** Nguyễn Quang D 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 15/6/2018. Phạt tiền bổ sung đối với Nguyễn Quang D 50.000.000 đồng.

**1.2. Căn cứ:** Điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 188; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). **Xử phạt:** Đinh H1 T 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung đối với Đinh H1 T 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Buộc bị cáo Đinh H1 T tiếp tục nộp số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) để sung công quỹ nhà nước.

**1.3. Căn cứ:** Điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 188; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). **Xử phạt:** Lê Viết V 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 13/3/2019 Phạt tiền bổ sung đối với Lê Viết V 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

1.4. Căn cứ: Điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 188; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Lê Bảo Hoài L 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Phạt tiền bổ sung đối với Lê Bảo Hoài L 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Bản án sơ thẩm còn có quyết định về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí hình sự sơ thẩm và tuyên bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 16/01/2020, bị cáo T có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Ngày 10/01/2019, bị cáo L có đơn kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo T và bị cáo L đều tha thiết xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, các Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng nên xử phạt bị cáo T 3 năm 06 tháng tù, bị cáo L 03 năm tù là đúng pháp luật, không nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của hai bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

[1]. Về tội danh, khung hình phạt: Mặc dù biết rõ hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng là mặt hàng cấm nhập khẩu nhưng nhằm mục đích thu lợi bất chính, các bị cáo Nguyễn Quang T1, Nguyễn Quang D, Lê Viết V, Lê Bảo Hoài L, Đinh H1 T đã có hành vi đồng phạm trong việc thành lập doanh nghiệp mở tờ khai Hải quan, khai nhập máy mới 100% phục vụ ngành may nhưng thực tế nhập hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng với tổng giá trị hàng nhập lậu 573.890.000 đồng. Sau khi nhận hàng đóng trong Container tại Cảng Đà Nẵng thì vận chuyển về kho của Công ty X tại Đà Nẵng sang hàng, vận chuyển đi nơi khác tiêu thụ. Do các bị cáo đồng phạm về hành vi nêu trên nên Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng tuyên bố các bị cáo Đinh H1 T, Lê Bảo Hoài L đồng phạm tội “*Buôn lậu*” với các bị cáo Nguyễn Quang D, Lê Viết V theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 188 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, đúng khung hình phạt.

[2]. Xét tính chất, vai trò, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Đinh H1 T, bị cáo Lê Bảo Hoài L thì thấy trong vụ án này bị cáo Hồ Văn T và bị cáo Nguyễn Đình T1 là kẻ chủ mưu, cầm đầu trực tiếp liên hệ mua hàng điện tử, điện lạnh đã qua sử dụng nhập từ nước ngoài về Việt Nam tiêu thụ, còn các bị cáo Nguyễn Quang D, Đinh H1 T, Lê Viết V, Lê Bảo Hoài L chỉ là đồng phạm với vai trò giúp

sức cho T1 và T nên xét vai trò đồng phạm của 02 bị cáo có kháng cáo trong vụ án thì thấy:

[2.1]. Đối với Lê Bảo Hoài L: Bị cáo L có hành vi giúp sức trong việc mượn 02 Chứng minh nhân dân của người khác để thành lập 02 Công ty lấy tư cách pháp nhân, ký không một số giấy tờ kê khai nhập, nhận hàng nên vai trò đồng phạm trong vụ án buôn lậu là mờ nhạt. Xét, bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đã nộp ngay lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; gia đình bị cáo L có công với cách mạng; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; có nhân thân tốt và là Kỹ sư xây dựng nên có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên mức hình phạt 03 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo L là phù hợp tương xứng với bị cáo D và bị cáo V. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo L thực sự thể hiện sự ăn năn, hối hận của mình qua việc nộp ngay 20.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm nên đây là tình tiết mới cũng cần xem xét cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta với người phạm tội nhưng thực sự ăn năn hối cải. Đối chiếu quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về điều kiện cho hưởng án treo thì thấy bị cáo L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; mặc dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng đã nộp ngay lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính; gia đình bị cáo L có công với cách mạng; bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nhân thân tốt nên có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo L có nơi cư trú rõ ràng, là Kỹ sư xây dựng và sau khi xét xử sơ thẩm có thêm tình tiết mới nên việc cho bị cáo được hưởng án treo không những không gây nguy hiểm cho xã hội mà vì bị cáo là Kỹ sư xây dựng nên còn có thể đóng góp cho sự phát triển kinh tế xã hội nên không cần thiết bắt bị cáo L chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo L được hưởng án treo.

[2.2]. Đối với Đinh H1 T: Bị cáo T có vai trò giúp sức thứ hai sau bị cáo D vì khi D đưa T1 đến Công ty X đặt vấn đề với Đinh H1 T2 (Giám đốc công ty) và T (Trưởng phòng kinh doanh) nhờ đứng ra làm thủ tục nhập khẩu hàng điện tử điện lạnh đã qua sử dụng, khi T2 đưa ra yêu cầu trả phí cao thì T1 không đồng ý nên T1 và D đã ra về, nếu T không liên hệ lại với T1 thì không kéo thêm nhiều người khác phạm tội. Tuy nhiên, số tiền bị cáo T thu lợi bất chính nhỏ và đã tự nguyện nộp lại; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình có công với cách mạng; bản thân bị cáo đã tích cực tham gia làm từ thiện, ủng hộ lũ lụt năm 2016 nên có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên mức hình phạt 3 năm 6 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo T là có phần nghiêm khắc hơn so với bị cáo D và bị cáo V, cụ thể bị cáo D có vai trò giúp sức tích cực nhất trong vụ án là trực tiếp trao đổi, bàn bạc với T1 rồi chỉ đạo các bị cáo khác thực hiện và chưa nộp lại số tiền thu lợi bất chính bị Tòa án xử phạt 04 năm tù, bị cáo V đã có tiền sự bị xử phạt hành chính về hành vi buôn lậu, chưa nộp phạt bị Tòa án xử phạt 03 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T trình bày rất ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên sau khi xét xử sơ thẩm mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn phải nuôi 02 con nhỏ sinh năm 2013, 2015 nhưng bị cáo đã vay mượn

tiền để nộp tiền phạt nhưng cơ quan Thi hành án nói bản án sơ thẩm chưa có hiệu lực thi hành nên không thu tiền. Xét với những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét mặc dù không chấp nhận đơn kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo T nhưng cũng cần giảm cho bị cáo 06 tháng tù để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước đối với người thực sự ăn năn hối cải và cũng để bị cáo T sớm trở về nuôi dạy hai con còn nhỏ và cũng để tương xứng với hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D và bị cáo V.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Từ nhận định tại các mục trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 03/2020/HS-ST ngày 09/01/2020 (được sửa chữa, bổ sung tại Thông báo số 05/2020/TB-TA ngày 21/01/2020) của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

1. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 188; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt **Đinh H1 T** 03 (ba) năm tù về tội “*Buôn lậu*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Buộc bị cáo Đinh H1 T tiếp tục nộp 2.400.000 đồng (tiền thu lợi bất chính) để sung công quỹ nhà nước. Phạt tiền bổ sung đối với Đinh H1 T 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

2. Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 188; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt **Lê Bảo Hoài L** 03 (ba) năm tù về tội “*Buôn lậu*” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm kể từ ngày 16/6/2020. Phạt tiền bổ sung đối với Lê Bảo Hoài L 20.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước, bị cáo đã nộp đủ khoản tiền này theo Biên lai thu tiền số 0000642 ngày 27/4/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trong thời gian thử thách, Lê Bảo Hoài L cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc Lê Bảo Hoài L phải chấp hành hình phạt 03 năm tù của bản án này. Giao Lê Bảo Hoài L cho Ủy ban nhân dân xã Tam Đàn, huyện P Ninh, tỉnh Quảng Nam để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên: Bị cáo Đinh H1 T và bị cáo Lê Bảo Hoài L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.



Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP Đà Nẵng;
- Trại tạm giam Hòa Sơn - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Kim Nhân**